

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và cổng dịch vụ công Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 933/QĐ-BKHCN ngày 06/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 47/TTr-SKHCN ngày 11 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ, cụ thể như sau:

1. Công bố 46 danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực: Hoạt động khoa học và công nghệ tại số thứ tự 3, 4; 5; 6; 8; 12; 15; 18, mục I, phụ lục I phần A; Sở hữu trí tuệ tại số thứ tự 1; 2; 3; 6; 7; 14 mục II, phụ lục I phần A; Tàn số vô tuyến điện tại số thứ tự từ 1 đến 20 mục VI, phụ lục I phần

A; Viễn thông và internet tại số thứ tự 1 đến 10 mục V, phần I, phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ).

(Có Phụ lục I kèm theo)

2. Bãi bỏ 03 danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ tại số thứ tự 7, 9, 10 mục I, phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ.

(Có Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Bộ Tư pháp (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, Hương (02b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

Phụ lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ;
SỞ HỮU TRÍ TUỆ; TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN; VIỄN THÔNG VÀ INTERNET THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Các thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ					
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ Mã thủ tục: 1.013931	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Không	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

						liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
2	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ Mã thủ tục: 1.013939	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Không	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ

3	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu Mã thủ tục: 1.011812	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; Nghị định số 15/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCHN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5
---	---	--	---	---	--------------	--

						năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; Thông tư số 58/2025/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
4	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ, cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và thông báo	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15; - Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của

	Mã thủ tục: 2.001137	bằng văn bản hoặc trên Cổng thông tin điện tử đối với các hồ sơ hợp lệ hoặc không hợp lệ; - Trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày xác nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tổ chức xét duyệt nhiệm vụ. - Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản họp Hội đồng xét duyệt, văn			Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước
--	----------------------	---	--	--	--

		<i>bản kiến nghị của tổ chức tư vấn xét duyệt, cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo</i> <i>thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất để hoàn thiện hồ sơ.</i> <i>- Trong thời hạn 10 ngày cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tổ chức thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.</i> <i>- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm</i>				<i>của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>
--	--	---	--	--	--	---

		định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo xem xét, phê duyệt nhiệm vụ.				
5	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu Mã thủ tục: 1.011814	- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 01	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

		ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 11 ngày làm việc. - Người có thẩm quyền xem xét hỗ trợ, mua: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.				- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.
6	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	- Gửi thông báo cho tổ	Trung tâm phục vụ hành	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ	Không có	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6

	Mã thủ tục: 1.011815	chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 11 ngày làm việc. - Người có thẩm quyền xem xét hồ trợ, mua: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội	chính công cấp tỉnh, cấp xã	bưu chính.		năm 2017. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công
--	----------------------	---	-----------------------------	------------	--	---

		<i>đồng.</i>				nghe.
7	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực Mã thủ tục: 1.011816	- <i>Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có):</i> 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - <i>Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá:</i> 11 ngày làm việc. - <i>Người có thẩm quyền xem xét hỗ trợ, mua:</i> Trong thời hạn	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục

		04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.				hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.
8	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) Mã thủ tục: 2.002248	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

					tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.	- Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ;
II	LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ					
1	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp Mã thủ tục: 1.013955	15 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	- Phí thẩm định hồ sơ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 300.000 đ - Phí phúc tra kiểm tra kết quả nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn):	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025

					150.000 đ	quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.
2	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	30 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số

	Mã thủ tục: 1.013974					93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
--	----------------------	--	--	--	--	---

3	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp Mã thủ tục: 1.013956	10 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp: 250.000 đ	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
4	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp Mã thủ tục: 1.013958	20 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số

			xã		hữu công nghiệp: 250.000 đ	93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023.
--	--	--	----	--	----------------------------------	--

5	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp Mã thủ tục: 1.013916	20 ngày	Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh, cấp xã.	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ - Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 75.000 đ. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ:	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu

					150.000 đ. - Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 100.000 đ. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí cấp Quyết định cấp chứng chỉ: 200.000 đ.	công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
6	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp. Mã thủ tục: 1.013919	20 ngày	Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của

					nghiệp: 250.000 đ - Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp lại chứng chỉ: 75.000 đ. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định cấp lại chứng chỉ: 150.000 đ. - Lệ phí cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 100.000 đ. Kể từ ngày	Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm
--	--	--	--	--	--	--

					01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí cấp lại Quyết định cấp chứng chỉ: 200.000 đ.	hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
7	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp Mã thủ tục: 1.013928	20 ngày	Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000đ - Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến

					chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đ. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đ.	hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
--	--	--	--	--	---	--

8	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp Mã thủ tục: 1.011938	20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh, cấp xã.	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng.	- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.
---	---	-------------------------------------	---	--	--	---

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
III	LĨNH VỰC VIỄN THÔNG – INTERNET					
1	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất). Mã thủ tục: 1.013899	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và phí, lệ phí theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí dịch vụ viễn thông: Dưới 20 tỷ đồng: 50 triệu đồng; Từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng: 250 triệu đồng; Từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng: 400 triệu đồng; Từ 100 tỷ đồng đến dưới 1.000	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					tỷ đồng: 01 tỷ đồng; Từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 10.000 tỷ đồng: 10 tỷ đồng; Từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 20.000 tỷ đồng: 100 tỷ đồng; Từ 20.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng: 150 tỷ đồng; Từ 40.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng: 250 tỷ đồng; Từ 50.000 tỷ đồng trở lên: 300 tỷ đồng;	và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.	
2	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Mã thủ tục: 1.013900	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và phí, lệ phí theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng (nộp hàng năm): + Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện: 1) Phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 100 triệu đồng; 2) Phạm vi khu vực: 300 triệu đồng; 3) Phạm vi toàn quốc: 600 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng có định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện: 1) Phạm	miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					vi khu vực: 800 triệu đồng; 2) Phạm vi toàn quốc: 2.000 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất có sử dụng kênh tần số vô tuyến điện: 200 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					(MVNO): 2.000 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện: 5.000 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh: 100 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động vệ tinh: 100 triệu đồng;	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Phí dịch vụ viễn thông: Dưới 20 tỷ đồng: 50 triệu đồng; Từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng: 250 triệu đồng; Từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng: 400 triệu đồng; Từ 100 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng: 01 tỷ đồng; Từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 10.000 tỷ đồng: 10 tỷ đồng; Từ 10.000 tỷ đồng đến dưới	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					20.000 tỷ đồng; 100 tỷ đồng; Từ 20.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng; 150 tỷ đồng; Từ 40.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng; 250 tỷ đồng; Từ 50.000 tỷ đồng trở lên: 300 tỷ đồng; - Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	
3	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. Mã thủ tục: 1.013902	phí, lệ phí theo quy định	<i>tỉnh, cấp xã.</i>		24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí dịch vụ viễn thông: Dưới 20 tỷ đồng: 50 triệu đồng; Từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng: 250 triệu đồng; Từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng: 400 triệu đồng; Từ 100 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng: 01 tỷ đồng; Từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 10.000 tỷ đồng: 10 tỷ	tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					đồng; Từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 20.000 tỷ đồng: 100 tỷ đồng; Từ 20.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng: 150 tỷ đồng; Từ 40.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng: 250 tỷ đồng; Từ 50.000 tỷ đồng trở lên: 300 tỷ đồng; - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	<i>Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
4	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. Mã thủ tục: 1.013904	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và phí, lệ phí theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng (nộp hàng năm): + Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện: 1) Phạm vi một tỉnh, thành phố trực	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					thuộc Trung ương: 100 triệu đồng; 2) Phạm vi khu vực: 300 triệu đồng; 3) Phạm vi toàn quốc: 600 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện: 1) Phạm vi khu vực: 800 triệu đồng; 2) Phạm vi toàn quốc: 2.000 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn	viễn thông. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					thông công cộng di động mặt đất có sử dụng kênh tần số vô tuyến điện: 200 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (MVNO): 2.000 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					điện: 5.000 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh: 100 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động vệ tinh: 100 triệu đồng; - Phí dịch vụ viễn thông: Dưới 20 tỷ đồng: 50 triệu đồng; Từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng: 250 triệu đồng; Từ 50 tỷ đồng	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					đến dưới 100 tỷ đồng: 400 triệu đồng; Từ 100 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng: 01 tỷ đồng; Từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 10.000 tỷ đồng: 10 tỷ đồng; Từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 20.000 tỷ đồng: 100 tỷ đồng; Từ 20.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng: 150 tỷ đồng; Từ	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					40.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng: 250 tỷ đồng; Từ 50.000 tỷ đồng trở lên: 300 tỷ đồng; - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	
5	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng có định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và phí, lệ phí theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: Phí thiết lập mạng viễn	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	trung ương. Mã thủ tục: 1.013905				thông công cộng: + Thiết lập mạng viễn thông công cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện: 1) Phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 100 triệu đồng; 2) Phạm vi khu vực: 300 triệu đồng; 3) Phạm vi toàn quốc: 600 triệu đồng; + Thiết lập	quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện: 1) Phạm vi khu vực: 800 triệu đồng; 2) Phạm vi toàn quốc: 2.000 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất có sử dụng kênh tần số vô tuyến điện: 200 triệu đồng; + Thiết lập	nghệ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					mạng viễn thông công cộng di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (MVNO): 2.000 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện: 5.000 triệu đồng; + Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh: 100 triệu đồng;	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					+ Thiết lập mạng viễn thông công cộng di động vệ tinh: 100 triệu đồng; - Phí dịch vụ viễn thông: Dưới 20 tỷ đồng: 50 triệu đồng; Từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng: 250 triệu đồng; Từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng: 400 triệu đồng; Từ 100 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng: 01 tỷ đồng; Từ 1.000 tỷ đồng đến dưới	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					10.000 tỷ đồng: 10 tỷ đồng; Từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 20.000 tỷ đồng: 100 tỷ đồng; Từ 20.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng: 150 tỷ đồng; Từ 40.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng: 250 tỷ đồng; Từ 50.000 tỷ đồng trở lên: 300 tỷ đồng; - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					phép	
6	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất). Mã thủ tục: 1.013906	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và phí, lệ phí theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí dịch vụ viễn thông: Dưới 20 tỷ đồng: 50 triệu đồng; Từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng: 250 triệu đồng; Từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng: 400 triệu đồng; Từ 100 tỷ đồng đến dưới 1.000	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					tỷ đồng; 01 tỷ đồng; Từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 10.000 tỷ đồng; 10 tỷ đồng; Từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 20.000 tỷ đồng; 100 tỷ đồng; Từ 20.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng; 150 tỷ đồng; Từ 40.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng; 250 tỷ đồng; Từ 50.000 tỷ đồng trở lên: 300 tỷ đồng;	thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	
7	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Mã thủ tục: 1.013907	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và lệ phí theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Phí: không có - Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
8	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và phí, lệ phí theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ	- Luật Viễn thông năm 2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	trên mạng viễn thông cố định mặt đất). Mã thủ tục: 1.013976				Tài chính, cụ thể như sau: - Phí dịch vụ viễn thông: Dưới 20 tỷ đồng: 50 triệu đồng; Từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng: 250 triệu đồng; Từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng: 400 triệu đồng; Từ 100 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng: 01 tỷ đồng; Từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 10.000 tỷ đồng: 10 tỷ đồng; Từ 10.000 tỷ đồng	hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					đến dưới 20.000 tỷ đồng; Từ 20.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng; 150 tỷ đồng; Từ 40.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng; 250 tỷ đồng; Từ 50.000 tỷ đồng trở lên: 300 tỷ đồng; - Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	<i>hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>
9	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Trung tâm phục vụ hành chính	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu	Không	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 115/2024/NĐ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Mã thủ tục: 1.013910	được hồ sơ	<i>công cấp tỉnh, cấp xã</i>	<i>chính.</i>		CP ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viên thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
10	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá. Mã thủ tục: 1.013911	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã</i>	<i>- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Không	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
IV	LĨNH VỰC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN					
1	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá. Mã thủ tục: 2.002777	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
2	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá Mã thủ tục: 2.002778	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<i>nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>
3	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá Mã thủ tục: 2.002775	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã</i>	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
4	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá Mã thủ tục: 2.002779	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<i>nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>
5	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư Mã thủ tục: 2.002781	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã</i>	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
6	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư Mã thủ tục: 2.002782	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của - - Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<i>thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>
7	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư Mã thủ tục: 2.002776	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
8	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư Mã thủ tục: 2.002787	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.</i> - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<i>thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>
9	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) Mã thủ tục: 2.002783	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã</i>	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
10	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) Mã thủ tục: 2.002784	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
11	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) Mã thủ tục: 2.002785	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - Thông tư số 265/2016/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính <i>quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.</i>
12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) Mã thủ tục: 2.002786	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.; - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
13	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ Mã thủ tục: 2.002788	22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã</i>	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<i>mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.</i>
14	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ Mã thủ tục: 2.002789	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã</i>	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<i>Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Thông tư số 120/2021/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
15	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô	07 ngày kể từ ngày nhận được	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	tuyển điện nội bộ Mã thủ tục: 2.002780	hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	<i>tỉnh, cấp xã</i>	<i>chính.</i>		ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						tuyên điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016
16	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ Mã thủ tục: 2.002790	22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
17	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư Mã thủ tục: 1.013935	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Không	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
18	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư Mã thủ tục: 2.002793	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Không	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
19	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải Mã thủ tục: 2.002791	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
20	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải Mã thủ tục: 2.002792	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- <i>Nộp trực tuyến;</i> - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính.</i>	Không	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

Phụ lục II**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Tên và mã thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực
01	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ. Mã TTHC: 2.001143	Nghị định số 15/2026/NĐCP ngày 14/01/2026 của Chính phủ	Hoạt động khoa học và công nghệ
02	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ. Mã TTHC: 1.002690	Nghị định số 15/2026/NĐCP ngày 14/01/2026 của Chính phủ	Hoạt động khoa học và công nghệ
03	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Mã TTHC: 2.001643	Nghị định số 15/2026/NĐCP ngày 14/01/2026 của Chính phủ	Hoạt động khoa học và công nghệ